

Số: ~~1227~~ /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày ~~14~~ tháng ~~7~~ năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn,  
có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách 32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và 14 dân tộc có khó khăn đặc thù sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các dân tộc có khó khăn đặc thù được phê duyệt tại Quyết định này được tiếp tục thụ hưởng các chính sách áp dụng đối với các dân tộc thiểu số rất ít người đã ban hành và còn hiệu lực.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHĐP (2b) S.Tùng. 110

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trương Hoà Bình**



**DANH SÁCH CÁC DÂN TỘC CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN,  
CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021  
của Thủ tướng Chính phủ)

<b>I Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn</b>			
1	La Hủ	17	Gia - rai
2	Phù Lá	18	Dao
3	La Chí	19	Nùng
4	Kháng	20	Tày
5	Hà Nhì	21	Sán Chay
6	Xinh - mun	22	Lào
7	Co	23	Giáy
8	Ta - ôi	24	Giẻ - Triêng
9	Cơ - tu	25	Mường
10	Khơ - mú	26	Ba - na
11	Bru - Vân Kiều	27	Hrê
12	Mnông	28	Chăm
13	Ra - glai	29	Ê - đê
14	Xơ - đăng	30	Cơ - ho
15	Hmông	31	Khơ - me
16	Xtiêng	32	Mạ
<b>II Các dân tộc có khó khăn đặc thù</b>			
1	Ơ - đư		
2	Brâu		
3	Rơ - măm		
4	Pu Péo		
5	Si La		
6	Cống		
7	Bố Y		
8	Cơ Lao		
9	Mảng		
10	Lô Lô		
11	Chứt		
12	Lự		
13	Pà Thên		
14	La Ha		